CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-04-KQPT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra tại hệ thống xử lý nước thải GPP (sau Filter F-71A/B), vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156717,00 và Y=441601,00
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,5^{0}C)	-	7,01	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	^{o}C	30,5	**40**	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS*	mg/L	19	**90**	SMEWW 2540.D: 2017
4	BOD_5*	mg/L	11	**45**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N*	mg/L	2,64	**36**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P*	mg/L	0,95	**5,4**	TCVN 6202: 2008
7	Fe*	mg/L	0,38	**4,5**	SMEWW 3111.B:2017
8	Hg*	mg/L	KPH (MDL = 25×10^{-5})	**0,009**	TCVN 7877:2008
9	Pb*	mg/L	KPH (MDL = 0,0021)	**0,45**	SMEWW 3113.B: 2017
10	Cd*	mg/L	KPH (MDL = 13×10^{-5})	**0,09**	SMEWW 3113.B: 2017
11	Zn*	mg/L	KPH (MDL = 0,016)	**2,7**	SMEWW 3111.B:2017
12	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL = 0,015)	-	SMEWW 3111.B: 2017
13	Ni*	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	**0,45**	SMEWW 3111.B:2017
14	Mn*	mg/L	KPH (MDL = 0,013)	**0,9**	SMEWW 3111.B:2017
15	DO*	mgO_2/L	1,04	-	TCVN 7324: 2004
16	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,0	**9**	SMEWW 5520.B& F: 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
17	Coliform*	MPN/ 100ml	1.200	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-02/23-01-11-KQPT Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu Trầm tích tại Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cố. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156717,00 và Y=441601,00)
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU TRẦM TÍCH

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 43: 2017/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Trầm tích nước ngọt	Trầm tích nước mặn, nước lợ	
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	0,28	**3,5**	**4,2**	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
2	Chì (Pb)*	mg/kg	21,4	**91,3**	**112**	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
3	Kẽm (Zn)*	mg/kg	64,5	**315**	**271**	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH (MDL= 1,1)	**90**	**160**	TCVN 6496:2009+ TCVN 6649:2000
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH (MDL=0,04)	**0,5**	**0,7**	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011
6	Niken (Ni) ****	mg/kg	6,2	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
7	Sắt (Fe) ****	mg/kg	2349	**20.000**	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
8	Magan (Mn)****	mg/kg	6,2	-	-	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
9	Hydrocacbon***	mg/kg	193,8	**100**	**100**	US EPA Method (3610B+5021A+8270D)

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
(***): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Viện Nhiệt Đới Môi Trường – Vimcerts 009 – Theo phiếu phân tích số: QT.23.0680)
(****): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty CP DV TV Môi Trường Hải Âu – Vimcerts 117 – Theo phiếu phân tích số: PTN/Số: HA.23.06777.1)
KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Sơn	Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-02/23-01-12-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Thực vật nổi
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	KẾT QUẢ
	Order Centrales	
	Class Bacillariophyceae	
1	*Actinoptichus annulatus*	166
2	*Biddulphia regia*	135
3	*Coscinodiscus excentricus*	152
4	*Coscinodiscus bipartitus*	1250
5	*Coscinodiscus lineatus*	95
6	*Coscinodiscus radiatus*	168
7	*Coscinodiscus spp.*	920
8	*Cyclotella comta*	200
9	*Cyclotella meneghiniana*	175
10	*Dithylum brightwelii*	1185
11	*Dithylum sol*	30
12	*Skeletonema costatum*	70
	Order Pennales	
	Class Bacillariophyceae	
13	*Gyrosigma angulatum*	170
14	*Thalassiothrix frauendeldii*	560
Tổng số loài		**14**
Tổng số tế bào/lít		**5276**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
Phương pháp định lượng: SMEWW 10200B:2017
Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-15-KQPT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Sinh vật trên cạn tại khu vực Suối Tre gần Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1156718,00 và Y=441602,00
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

STT	Tên sinh vật	Đơn vị	Kết quả điều tra	Phương pháp điều tra
1	Bướm	Con/m^2	12	Quan sát
2	Chuồn Kim	Con/m^2	9	Quan sát
3	Nhái	Con/m^2	7	Quan sát
4	Châu Chấu	Con/m^2	12	Quan sát
5	Bọ Xít	Con/m^2	6	Quan sát
6	Sâu	Con/m^2	37	Quan sát
7	Ong	Con/m^2	10	Quan sát
8	Các Loại côn trùng khác	Con/m^2	35	Quan sát

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty Cổ Phần An Toàn – Sức Khỏe – Môi Trường Nam Việt – Vimcerts 314 – Theo phiếu phân tích số: 0188-08.2023/KQTN)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-01-KQPT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Tiếng ồn
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA

KẾT QUẢ ĐO TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)
1. Ngoài khu vực sản xuất cách hàng rào 100m (khu dân cư phía sau) của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	63
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư (QCVN26:2010/BTNMT)	***Từ 6 giờ - 21 giờ: 70*** ***21 giờ - 6giờ: 55***
2. Trong khu vực công nghệ của Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 00441756; Y: 01156563	80
QCVN 24:2016/BYT	**≤ 85**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện (< MDL)
QCVN 24:2016/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
QCVN26:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 – C.T.C.P – CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-09-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước mặt khu vực tiếp giáp Suối Tre và sông Cửa Lấp, vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156160,00 và Y=440607,00
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT :2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
1	pH*(28,3^{0}C)	-	6,71	**5,5–9**	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	4,26	**≥2**	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	12	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	17	**50**	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD5*	mg/L	7	**25**	TCVN 6001-1:2008
6	NH_4^+ (tính theo N)*	mg/L	0,19	**0,9**	TCVN 6179-1:1996
7	NO_2^- (tính theo N)*	mg/L	0,013	**0,05**	SMEWW 4500-NO_2^--B: 2017
8	NO_3^- (tính theo N)*	mg/L	0,94	**15**	TCVN 6180:1996
9	PO_4^{3-} (tính theo P)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	**0,5**	TCVN 6202: 2008
10	Cl^-*	mg/L	42,3	**-**	TCVN 6194: 1996
11	F^-*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	**2**	SMEWW 4500-F-.B&D:2017
12	CN^-*	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	**0,05**	SMEWW 4500-CN-.B,C&E:2017
13	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	**0,02**	TCVN 6216:1996
14	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	**1**	SMEWW 3111.B:2017
15	Ni*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	**0,1**	SMEWW 3111.B:2017
16	Fe*	mg/L	0,31	**2**	SMEWW 3111.B:2017
17	As*	mg/L	KPH (MDL=65×10^{-5})	**0,1**	TCVN 6626:2000
18	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10^{-5})	**0,002**	TCVN 7877:2008

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT :2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
19	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10^{-5})	**0,01**	SMEWW 3113.B:2017
20	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	**0,05**	SMEWW 3113.B: 2017
21	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	**1**	SMEWW 3111.B:2017
22	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	**0,05**	TCVN 6658:2000
23	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	**1**	SMEWW 3111.B: 2017
24	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	**2**	SMEWW 3111.B:2017
25	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,072	**0,5**	TCVN 6622-1:2009
26	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH (MDL=0,3)	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
27	Aldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,1**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
28	Benzene hexachloride (BHC)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,02**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
29	Dieldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,1**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
30	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**1,0**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
31	Heptachlor & Heptachlorepoxide*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,2**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
32	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC)*	mg/L	1,58	-	TCVN 6634:2000
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH (MDL=0,021)	**0,1**	TCVN 8879:2011
34	Tổng hoạt độ phóng xạ ß*	Bq/L	KPH (MDL=0,018)	**1,0**	TCVN 8879:2011
35	E.coli*	MPN/ 100mL	55	**200**	TCVN 6187-2:1996
36	Coliform*	MPN/ 100mL	3.500	**10.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*

(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 08 MT-2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-08-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước mặt khu vực hạ lưu Suối Tre, cách điểm xả 50m, vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156366,00 và Y=441372,00)
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT :2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
1	pH*(28,1^{0}C)	-	6,67	**5,5–9**	TCVN 6492:2011
2	DO*	mg/L	4,15	**≥2**	TCVN 7325: 2016
3	TSS*	mg/L	24	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	24	**50**	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD_5*	mg/L	11	**25**	TCVN 6001-1:2008
6	NH_4^+ (tính theo N)*	mg/L	0,34	**0,9**	TCVN 6179-1:1996
7	NO_2^- (tính theo N)*	mg/L	0,021	**0,05**	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2017
8	NO_3^- (tính theo N)*	mg/L	1,14	**15**	TCVN 6180:1996
9	PO_4^{3-} (tính theo P)*	mg/L	KPH (MDL=0,011)	**0,5**	TCVN 6202: 2008
10	Cl^-*	mg/L	46,7	**-**	TCVN 6194: 1996
11	F^-*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	**2**	SMEWW 4500-F-.B&D:2017
12	CN^-*	mg/L	KPH (MDL=0,0015)	**0,05**	SMEWW 4500-CN-.B,C&E:2017
13	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL=0,001)	**0,02**	TCVN 6216:1996
14	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	**1**	SMEWW 3111.B:2017
15	Ni*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	**0,1**	SMEWW 3111.B:2017
16	Fe*	mg/L	0,42	**2**	SMEWW 3111.B:2017
17	As*	mg/L	KPH (MDL=65×10^{-5})	**0,1**	TCVN 6626:2000
18	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10^{-5})	**0,002**	TCVN 7877:2008
19	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10^{-5})	**0,01**	SMEWW 3113.B:2017
20	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	**0,05**	SMEWW 3113.B: 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT :2015/BTNMT B2	Phương pháp phân tích
21	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,005)	**1**	SMEWW 3111.B:2017
22	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL=0,0016)	**0,05**	TCVN 6658:2000
23	Cu*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	**1**	SMEWW 3111.B: 2017
24	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	**2**	SMEWW 3111.B:2017
25	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,095	**0,5**	TCVN 6622-1:2009
26	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH (MDL=0,3)	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
27	Aldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,1**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
28	Benzene hexachloride (BHC)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,02**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
29	Dieldrin*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,1**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
30	Tổng Dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs)*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**1,0**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
31	Heptachlor & Heptachlorepoxide*	µg/L	KPH (MDL=0,005)	**0,2**	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8081B
32	Tổng cacbon hữu cơ (Total Organic Carbon, TOC)*	mg/L	1,48	-	TCVN 6634:2000
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/L	KPH (MDL=0,021)	**0,1**	TCVN 8879:2011
34	Tổng hoạt độ phóng xạ ß*	Bq/L	KPH (MDL=0,018)	**1,0**	TCVN 8879:2011
35	E.coli*	MPN/ 100mL	68	**200**	TCVN 6187-2:1996
36	Coliform*	MPN/ 100mL	5.400	**10.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 08 MT-2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-05-KQPT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải GPP (suối Tre), vị trí lấy mẫu theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107045', múi chiếu 30) X=1156838,00 và Y=441486,00
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,5^{0}C)	-	6,64	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	^{0}C	30,5	**40**	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS*	mg/L	18	**90**	SMEWW 2540.D: 2017
4	COD*	mg/L	62	**135**	SMEWW 5220.C: 2017
5	BOD_5*	mg/L	26	**45**	TCVN 6001-1:2008
6	Tổng N*	mg/L	5,74	**36**	TCVN 6638: 2000
7	Tổng P*	mg/L	0,69	**5,4**	TCVN 6202: 2008
8	NH_4^+ (tính theo N)*	mg/L	3,01	**9**	TCVN 6179-1:1996
9	Độ màu*	Pt-Co	23,4	**150**	SMEWW 2120.C:2017
10	Tổng Phenol*	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	**0,45**	TCVN 6216:1996
11	CN^-*	mg/L	KPH (MDL = 0,0015)	**0,09**	SMEWW 4500-CN-.B,C&E:2017
12	F^-*	mg/L	0,12	**9**	SMEWW 4500-F-.B&D:2017
13	Fe*	mg/L	0,43	**4,5**	SMEWW 3111.B:2017
14	As*	mg/L	KPH (MDL = 65×10^{-5})	**0,09**	TCVN 6626:2000
15	Hg*	mg/L	KPH (MDL = 25×10^{-5})	**0,009**	TCVN 7877:2008
16	Pb*	mg/L	KPH (MDL = 0,0021)	**0,45**	SMEWW 3113.B: 2017
17	Cd*	mg/L	KPH (MDL = 13×10^{-5})	**0,09**	SMEWW 3113.B: 2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40: 2011/ BTNMT (Cột B) Kq=0,9; Kf=1,0	Phương pháp phân tích
18	Zn*	mg/L	KPH (MDL = 0,016)	**2,7**	SMEWW 3111.B:2017
19	Cu*	mg/L	KPH (MDL = 0,016)	**1,8**	SMEWW 3111B: 2017
20	Ni*	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	**0,45**	SMEWW 3111.B:2017
21	Mn*	mg/L	KPH (MDL = 0,013)	**0,9**	SMEWW 3111.B:2017
22	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL = 0,015)	-	SMEWW 3111.B: 2017
23	Cr (III)*	mg/L	KPH (MDL = 0,015)	**0,9**	SMEWW 3111B:2017+ TCVN 6658:2000
24	Cr (VI)*	mg/L	KPH (MDL = 0,0016)	**0,09**	TCVN 6658:2000
25	Clo dư*	mg/L	KPH (MDL = 0,038)	**1,8**	SMEWW 4500-Cl.G:2017
26	DO*	mgO_2/L	0,80	-	TCVN 7324: 2004
27	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	1,3	**9**	SMEWW 5520.B& F: 2017
28	Coliform*	MPN/ 100ml	1.500	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-07-KQPT Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu nhà điều hành
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,0	Phương pháp phân tích
1	pH* (30,3^{0}C)	-	6,67	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS*	mg/L	21	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5*	mg/L	23	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	TDS*	mg/L	297	**1.000**	SOP_HTN05
5	S^{2-}*	mg/L	0,26	**4**	SMEWW 4500-S^{2-}.C&D:2017
6	NH_4^+ (tính theo N)*	mg/L	3,64	**10**	TCVN 6179-1:1996
7	NO_3^- (tính theo N)*	mg/L	10,4	**50**	SMEWW 4500-NO_3-.E:2017
8	PO_4^{3-} (tính theo P)*	mg/L	0,785	**10**	TCVN 6202: 2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,1	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,354	**10**	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/ 100ml	3.300	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN – M.S.D.N: 0310780286 – C.T.C.P – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-06-KQPT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra tại Nam Côn Sơn Terminal, vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156389,00 và Y=441721,00
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
1	pH* (31,4^{0}C)	-	6,76	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ*	^{o}C	31,4	**40**	SMEWW 2550.B:2017
3	TSS*	mg/L	20	**90**	SMEWW 2540.D: 2017
4	BOD_5*	mg/L	29	**45**	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N*	mg/L	11,7	**36**	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P*	mg/L	1,64	**5,4**	TCVN 6202: 2008
7	Fe*	mg/L	0,40	**4,5**	SMEWW 3111.B:2017
8	Hg*	mg/L	KPH (MDL=25×10^{-5})	**0,009**	TCVN 7877:2008
9	Pb*	mg/L	KPH (MDL=0,0021)	**0,45**	SMEWW 3113.B: 2017
10	Cd*	mg/L	KPH (MDL=13×10^{-5})	**0,09**	SMEWW 3113.B: 2017
11	Zn*	mg/L	KPH (MDL=0,016)	**2,7**	SMEWW 3111.B:2017
12	Tổng Crôm (Cr)*	mg/L	KPH (MDL=0,015)	-	SMEWW 3111.B: 2017
13	Ni*	mg/L	KPH (MDL=0,02)	**0,45**	SMEWW 3111.B:2017
14	Mn*	mg/L	KPH (MDL=0,013)	**0,9**	SMEWW 3111.B:2017
15	DO*	mgO_2/L	0,91	-	TCVN 7324: 2004

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) (Kq=0,9; Kf=1,0)	Phương pháp phân tích
16	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	3,1	**9**	SMEWW 5520.B& F: 2017
17	Coliform*	MPN/ 100ml	2.200	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-03-KQPT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m^3/h
6	Hydrocarbons (CxHy) (n-Heptan)*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,015 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu / Nguồn thải	Lưu lượng P (m^3/h)	Bụi (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)	C_xH_y (mg/Nm^3)
1. Khí thải máy phát điện G-71, có tọa độ X:115606; Y: 441690 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	30	37,5	KPH	27,8	KPH
2. Khí thải máy nén K 01A/B, có tọa độ X: 1156560; Y: 441754 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	12	5,25	KPH	4,15	KPH
3. Khí thải máy nén K-02/03, có tọa độ X: 1156562; Y: 441755 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	13	6,24	KPH	3,96	KPH
4. Khí thải Heater H-31A/B, có tọa độ X: 1156598; Y: 441749 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	10	6,45	KPH	5,24	KPH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng P (m^3/h)	Bụi (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)	C_xH_y (mg/Nm^3)
5. Khí thải máy phát điện G-72, có tọa độ X: 1156612; Y: 441690 (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	28	39,6	KPH	27,8	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**	**-**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện (< MDL)
QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-02-KQPT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m^3
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m^3
3	SO_2*	TCVN 5971:1995	TCVN 5971: 1995	0,0085 mg/m^3
4	NO_2*	TCVN 6137: 2009	TCVN 6137:2009	0,0046 mg/m^3
5	Hydrocarbons (C_xH_y)*	NIOSH Method 1500	NIOSH Method 1500	0,030 mg/m^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m^3)	CO (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	C_xH_y (mg/m^3)
1. Ngoài hàng rào gần khu vực Flare – Burn pit, có tọa độ X: 00441820; Y: 01156402	0,14	1,24	0,035	0,015	0,94
2. Khu vực nhà dân cách nhà máy 100 m, có tọa độ X: 00441904; Y: 01156556	0,15	2,04	0,042	0,018	0,90
3. Khu vực nhà dân cách nhà máy 200 m, có tọa độ X: 00441669; Y: 01156748	0,19	2,00	0,048	0,020	0,92
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT) (QCVN 06 : 2009/BTNMT)	**0,3**	**30**	**0,35**	**0,2**	**5**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
KPH: Không phát hiện (< MDL)
QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0001-02/23-01-13-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Động vật nổi (Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X= 1156717,00; Y=441601,00)
Ngày lấy mẫu : 16/02/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	KẾT QUẢ
	Phylum PYRROPHYCOPHYTA	
	Class Dinophyceae	
	Order Gonyaulacales	
	Family Ceratiaceae	
1	*Ceratium furca* Claparède & Lachmann, 1859	1290
2	*Ceratium tripos* Nitzsch, 1817	1110
3	*Ceratium* sp.	970
	Family Heterodiniaceae	
4	*Peridinium granii* Ostenfeld, 1906	5500
	Phylum EUGLENOPHYCOTA	
	Class Euglenophyceae	
	Order Euglenales	
	Family Euglenaceae	
5	*Euglena* sp.	17050
	Phylum PROTOZOA	
	Class Lobosa	
	Order Arcellinida	
	Family Difflugiidae	
6	*Difflugia acuminata* Ehrenberg, 1838	4750
7	*Difflugia binucleata* Penard, 1902	1200
8	*Difflugia distenda* Penard, 1899	15300
9	*Difflugia lanceolata* Penard, 1890	22240
10	*Difflugia lebes* Penard, 1899	1400
11	*Difflugia urceolata* Carter, 1864	10240
	Phylum ARTHROPODA	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

STT	TÊN KHOA HỌC	KẾT QUẢ
	Class Maxillopoda	
	Order Calanoida	
	Family Diaptomidae	
12	*Diaptomus* sp	3330
	Order Cyclopoida	
	Family Cyclopidae	
13	*Ectocyclops phaleratus* Koch, 1838	8860
14	*Thermocyclops oithonoides* Sars G.O., 1863	850
15	Ấu trùng nhóm Copepoda	383400
Tổng số loài		**15**
Tổng số cá thể/m^3		**477490**

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
Phương pháp định lượng: SMEWW 10200B:2017
Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-14-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Động vật đáy (Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X=1156717,00; Y=441601,00)
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	TÊN KHOA HỌC	KẾT QUẢ
	Phylum MOLLUSCA	
	Class Bivalvia	
	Order Venerida	
	Family Veneridae	
1	*Meretrix lyrata* G.B.Sowerby II, 1851	5
	Order Veneroida	
	Family Cyrenidae	
2	*Corbicula fluminea* O.F. Muller, 1974	10
	Phylum ARTHROPODA	
	Class Insecta	
	Order Diptera	
	Family Chironomidae	
3	*Chironomus* sp.	8
	Phylum ANNELIDA	
	Class Clitellata	
	Order Oligochaeta	
	Family Tubiflicidae	
4	*Limnodrilus hoffmeisteri* Claparede, 1862	9
5	*Tubiflex tubiflex* O.F. Muller, 1774	6
Tổng số loài		**5**
Tổng số cá thể/m²		**38**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
Phương pháp định lượng: SMEWW 10500B:2017
Mẫu: Sinh học tại Suối Tre khu vực nhà máy xử lý khí Dinh Cố, có tọa độ X: 1156717,00; Y: 441601,00

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thanh Sơn

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0310780286 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hồ Thị Kim Cúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Tru sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

Số: 0007-08/23-01-10-KQPT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Tên công ty : **CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU**
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy xử lý khí Dinh Cố (GPP)
Địa chỉ : Xã An Ngãi, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
Loại mẫu : Đất gần Suối Tre khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cố, vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1156719,00 và Y=441600,00
Ngày lấy mẫu : 17/08/2023 Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU ĐẤT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03-MT: 2015/BTNMT Đất công nghiệp	Phương pháp phân tích
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	0,48	**10**	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
2	Chì (Pb)*	mg/kg	46,4	**300**	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
3	Kẽm (Zn)*	mg/kg	134,2	**300**	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
4	Tổng Crôm (Cr)*	mg/kg	KPH	**250**	TCVN 6649:2000+ TCVN 6496:2009
5	Thủy ngân (Hg)*	mg/kg	KPH	-	TCVN 6649:2000 + TCVN 8882:2011
6	Niken (Ni)**	mg/kg	6,37	-	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 200.7
7	Sắt (Fe) **	mg/kg	$26x10^3$	-	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 200.7
8	Magan (Mn) **	mg/kg	43,3	-	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 200.7
9	Hydrocacbon****	mg/kg	KPH	-	US EPA Method 5035 US EPA Method 3620C US EPA Method 8260D

Ghi chú: *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Và An Toàn Vệ Sinh Lao Động – Vimcerts 026 – Theo phiếu phân tích số: 831-08/23-1.1 / KQPT)
(**): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung Tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 – Vimcerts 078 – Theo phiếu phân tích số: KT3-04730MT3)
(****): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công Ty CP DV TV Môi Trường Hải Âu – Vimcerts 117 – Theo phiếu phân tích số: PTN/Số: HA.23.06777.2)
QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Trụ sở: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM, VN
ĐT: 1900.1713 – Hotline: 0986 709 307 – 0918 309 911
Email: info@hsevn.com.vn website: https://hsevn.com.vn MST: 031.078.0286

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Thanh Sơn	**Hồ Thị Kim Cúc**